

Bản án số: 157/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Mai Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là phường N), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/10/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ chồng. Cuối năm 2019, anh H1 đi lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, anh

H1 vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị và các con. Cuối năm 2022, vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 11/5/2014 và Nguyễn Trung H3, sinh ngày 20/9/2018. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu L và giao cháu H3 cho anh H1 nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn H1 ở Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H1. Bà Nguyễn Thị H2 (là mẹ đẻ anh H1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên, anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết. Quan điểm của anh H1 là do chị H cương quyết xin ly hôn nên anh đồng ý. Về con chung: Anh H1 xác định vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh H1 xin được nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Trong thời gian ở nước ngoài, anh H1 nhờ bà chăm sóc 02 cháu, bà đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh H1 vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1. Về con chung: Giao cho chị H được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 11/5/2014, giao cho anh H1 được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung H3, sinh ngày

20/9/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, bà H2 nuôi cháu H3 giúp anh H1. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị H và gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị H và gia đình anh H1 không cung cấp được. Bà Nguyễn Thị H2 là mẹ đẻ anh H1 xác định anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị H có đơn xin ly hôn, anh H1 không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Tại phiên tòa, chị H, bà H2 vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Hòa kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là phường N), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/10/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Sau khi chị H có đơn xin ly hôn, anh H1 đã chủ động liên lạc với chị H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, do vậy thông qua gia đình anh H1 có quan điểm đồng ý ly hôn chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong

cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 11/5/2014 và Nguyễn Trung H3, sinh ngày 20/9/2018. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H có quan điểm mỗi người nuôi 01 con, chị xin nuôi cháu L và giao cháu H3 cho anh H1 nuôi dưỡng. Anh H1 có quan điểm xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và nhờ bà nội là Nguyễn Thị H2 chăm sóc các cháu trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy, hiện nay chị H đang ở Việt Nam, anh H1 đang ở nước ngoài nhưng nhờ bà H2 là mẹ đẻ chăm sóc con trong thời gian anh không ở Việt Nam, bà H2 nhất trí. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con, cần giao cho chị H và anh H1 mỗi người nuôi một con là phù hợp. Cháu L có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ nên cần tiếp tục giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu H3 cho anh H1 nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, tạm giao cháu H3 cho bà Nguyễn Thị H2 (là bà nội) trông nom, chăm sóc cho đến khi anh H1 về Việt Nam. Chị H và anh H1 tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 11/5/2014; giao cho anh Nguyễn Văn H1 được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trung H3, sinh ngày 20/9/2018 kể từ tháng 05/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu H3 cho bà Nguyễn Thị H2 nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000495 ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Nam Đồng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

